

GIẢNG DẠY TIẾNG VIỆT NHƯ MỘT NGOẠI NGỮ

ĐUR NGỌC NGÂN*

TÓM TẮT

Bài viết trình bày một số thành tựu bước đầu của việc giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ về chương trình đào tạo, giáo trình giảng dạy, những kết quả nghiên cứu khoa học có liên quan đến việc dạy tiếng nói chung và việc dạy tiếng Việt nói riêng. Những thành tựu này tuy chưa nhiều nhưng có thể mở ra những triển vọng không nhỏ cho ngành đào tạo này.

Từ khóa: giảng dạy tiếng Việt, ngoại ngữ, ngôn ngữ thứ hai, thành tựu bước đầu.

ABSTRACT

Teaching Vietnamese as a foreign language

This article presents some initial achievements in teaching Vietnamese as a foreign language in terms of training curriculum, textbooks and results of research related to language teaching in general and teaching Vietnamese as a second language in particular. Although the achievements have not been high yet, they are surely able to bring new perspectives to the field.

Keywords: teaching Vietnamese, foreign language, second language, initial achievements.

1. Đặt vấn đề

Những năm gần đây, trong tình hình quan hệ quốc tế, giao lưu văn hóa giữa Việt Nam và cộng đồng thế giới đang trong chiều hướng phát triển, sự tiếp xúc ngôn ngữ giữa tiếng Việt và các ngôn ngữ khác ngày càng được mở rộng. Tiếng Việt cho người nước ngoài, tiếng Việt như một ngoại ngữ đã trở thành một trong những môn học được sự quan tâm của các ngành dạy tiếng trong và ngoài nước. Bài viết này trình bày một số vấn đề về hiện trạng cũng như những thành tựu bước đầu của việc giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ, dựa trên những tư liệu về ngành Việt Nam học, ngành

Tiếng Việt của một số trường đại học trên thế giới, ở Việt Nam và hoạt động của hệ đào tạo tiếng Việt cho người nước ngoài của Khoa Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (KNV-ĐHSPTPHCM).

2. Nhu cầu học tiếng Việt

Không thể phủ nhận một thực tế là hiện nay nhu cầu học tiếng Việt ngày càng cao. Số lượng người nước ngoài học tiếng Việt ngày càng tăng cùng với sự phát triển của các cơ sở đào tạo, trung tâm dạy tiếng Việt. Ở Việt Nam, Hà Nội và TP HCM là hai thành phố mà việc dạy và học tiếng Việt diễn ra sôi nổi nhất nước và đạt được những thành quả rõ rệt. Các cơ sở đào tạo tiếng Việt chủ yếu là các trường đại học ngoại ngữ, đại

* PGS TS, Trưởng bộ môn Ngôn ngữ học
Khoa Ngữ văn Trường ĐHSPTPHCM

học khoa học xã hội & nhân văn, đại học sư phạm. Ngoài ra, còn khá nhiều những trung tâm dạy tiếng Việt, trường dạy tiếng Việt cho người nước ngoài như Trung tâm Dạy tiếng Việt cho người nước ngoài (CED Việt Nam), Trung tâm Dạy tiếng Việt cho người nước ngoài HACO, Vietnamese Teaching Group (VTG), Trường Tiếng Việt Sài Gòn VLS (Vietnamese Language Studies Saigon)...

Ở KNV - ĐHSPTPHCM, số lượng người học tiếng Việt những năm gần đây tăng trung bình từ 20% đến 30% (năm 2009 tăng 30%, năm 2010 tăng 26%); người học thuộc nhiều quốc tịch khác nhau, đến từ nhiều đất nước trên thế giới như Hàn Quốc, Nhật, Lào, Trung Quốc, Thái Lan, Đài Loan, Malaysia, Mĩ, Pháp, Anh, Úc, Canada, Đan Mạch... Mục đích học tập của phần lớn người học là để có thể sinh sống, làm việc tại Việt Nam hoặc vì nhu cầu giao tiếp trước mắt; bên cạnh đó, một số người học tiếng Việt còn để tìm hiểu về đất nước, con người, văn hóa Việt Nam hoặc nghiên cứu về Việt Nam. Sức hấp dẫn của một thứ tiếng nói giàu thanh điệu gắn với một nền văn hóa đặc thù có thể khiến cho một số du khách chỉ đến TPHCM tham quan vài ngày vẫn dành chút thời gian để dự một vài giờ học tiếng Việt. Bên cạnh những người học là người nước ngoài, có không ít những người Việt đã định cư ở nước ngoài. Đó là những người - phần lớn là thanh niên - có nguồn gốc Việt nhưng do sinh sống ở một môi trường ngôn ngữ khác nên tiếng Việt đã trở thành ngôn ngữ thứ hai - một ngoại ngữ. Và việc học tập tiếng Việt ở

một góc độ nào đó có thể xem là một cách mà người học trở về với cội nguồn của mình.

Trên thế giới, một số nước (như Hàn Quốc, Nhật, Trung Quốc, Lào, Campuchia, Thái Lan, Pháp, Đức, Nga, Mĩ, Úc, Singapore...) đã có những cơ sở đào tạo, trung tâm dạy tiếng Việt. Sự ra đời của các lớp tiếng Việt này chủ yếu là từ nhu cầu giao lưu ngôn ngữ, giao lưu văn hóa, hoặc để giúp cho người học có thể tiếp cận với một loại ngôn ngữ và văn hóa đặc thù ở phương Đông. Hiện nay, tiếng Việt - văn hóa Việt Nam vẫn đang được sự quan tâm của các ngành dạy tiếng, ngành Đông Phương học của một số trường đại học và những trường đào tạo về văn hóa trên thế giới. Trong năm học 2012, nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa hai nước, đặc biệt là về văn hóa, Trường Đại học Đông Phương thành phố Napoli (Ý) sẽ đưa vào chương trình giảng dạy bộ môn Tiếng Việt như một môn học chính thức (Theo Báo Hà Nội Mới, 06-05-2011).

Thực tế về nhu cầu học tập, nghiên cứu về tiếng Việt, văn hóa Việt Nam đòi hỏi việc giảng dạy không chỉ mang tính tự phát, nhất thời mà phải được chính quy hóa. Vì thế nhiều ngành học hữu quan (như Việt Nam học, Việt ngữ học, Tiếng Việt, Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam) trong một số trường đại học đã ra đời, đánh dấu bước phát triển của môn học cũng như khẳng định vị trí của tiếng Việt trong ngôn ngữ, văn hóa, văn minh thế giới.

3. Chương trình đào tạo tiếng Việt

Trong quá trình hoạt động, một trong những vấn đề mà các cơ sở đào tạo, trung tâm dạy tiếng Việt cho người nước ngoài quan tâm là xây dựng những chương trình giảng dạy đáp ứng được yêu cầu của người học. Một số trường đại học trên thế giới như ở Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật, Nga, Pháp... và trong nước đã có những chương trình giảng dạy ổn định cho ngành Việt học hoặc Tiếng Việt.

Cũng như một số trường đại học ở châu Âu, Trường Đại học Paris Diderot - Paris 7 có Khoa Ngôn ngữ và Văn minh Đông Á (Langues et Civilisations de L'Asie Orientale LCAO). Khoa này đào tạo bốn ngành: Trung Quốc học, Hàn Quốc học, Nhật Bản học và Việt Nam học. Kế thừa truyền thống Đông phương học ở Pháp, trong khuôn khổ của sự tương hợp về đào tạo ở châu Âu, từ năm học 2005, Khoa đào tạo sinh viên theo một chu trình gọi tắt là LMD (Licence – Master – Doctorat: Cử nhân – Thạc sĩ – Tiến sĩ). Ngoài chương trình đào tạo Tiến sĩ (Doctorat) 3 năm, chủ yếu liên kết với các trường đại học khác hoặc viện nghiên cứu như Trung tâm Nghiên cứu quốc gia Pháp, Trường Viễn Đông Bác cổ, Trường Nghiên cứu chuyên sâu về khoa học xã hội hoặc Viện Quốc gia Ngôn ngữ và Văn minh Phương Đông (gọi tắt là INALCO), chương trình đào tạo chính của *Ban Việt học* (Section Études Vietnamiennes) bao gồm chương trình đào tạo Cử nhân (Licence) 3 năm và Thạc sĩ (Master) 2 năm. Trong ba năm Cử nhân, các môn học được phân vào hai phần: Tiếng Việt và Văn minh Việt Nam.

Yêu cầu của *chương trình giảng dạy tiếng Việt* thể hiện ở ba trình độ: trình độ bắt đầu (Vietnamien niveau débutant) ở năm thứ nhất, trình độ trung cấp (Vietnamien niveau intermédiaire) ở năm thứ hai, trình độ nâng cao (Vietnamien niveau avancé) ở năm thứ ba. Ở năm thứ nhất và năm thứ hai, sinh viên được cung cấp những kiến thức tiếng Việt cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và thực hành tiếng Việt; ở năm thứ ba sinh viên được học một số tiết về ngôn ngữ học và Việt ngữ học. Chương trình Thạc sĩ cung cấp những kiến thức về ngôn ngữ học, phương pháp nghiên cứu Việt ngữ học, văn học Việt Nam, xã hội và kinh tế Việt Nam... Hiện nay, Trường còn có loại hình đào tạo *Đại học Mở* (Université Ouverte) cung cấp những khóa nhập môn tiếng Việt. Theo những thỏa ước liên kết giảng dạy, hàng năm thường vào học kì 2, Ban Việt học có mời giảng viên ngành ngôn ngữ học, Việt ngữ học của một số trường đại học ở Hà Nội và TPHCM trong đó có Trường ĐHSPTPHCM để hỗ trợ giảng dạy một số phân môn về tiếng Việt, Việt ngữ học.

Khoa Ngữ văn - Trường ĐHSPTPHCM chính thức có mã ngành đào tạo Tiếng Việt cho người nước ngoài từ năm 2001. Từ những ngày đầu, việc đào tạo đã được tiến hành theo những chương trình ổn định. Hiện nay Khoa có hai chương trình đào tạo chính:

* Chương trình đào tạo Cử nhân ngành Tiếng Việt (tên ngành là Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam từ năm học 2011-2012)

Chương trình này kéo dài trong bốn năm. Ngoài những môn học về Ngôn ngữ học, Việt ngữ học, Thực hành tiếng Việt, người học còn được cung cấp những kiến thức về đất nước và con người Việt Nam khá đa dạng, thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như Địa lí Việt Nam, Lịch sử Việt Nam, Văn hóa Việt Nam, Pháp luật Việt Nam, Văn học Việt Nam, Địa lí Du lịch Việt Nam... Nhiều sinh viên của các lớp Cử nhân Tiếng Việt sau khi tốt nghiệp đã làm việc tại TPHCM, Hà Nội và một số tỉnh khác ở Việt Nam.

* Chương trình đào tạo ngắn hạn Tiếng Việt giao tiếp

Chương trình này chủ yếu theo yêu cầu của người học. Người học có thể đề xuất thời gian học cũng như những yêu cầu về kiến thức tiếng Việt; chẳng hạn người học có thể yêu cầu được học chương trình Tiếng Việt bắt đầu, Tiếng Việt nâng cao, Tiếng Việt Sài Gòn, hoặc học chuyên sâu một trong những kỹ năng về tiếng Việt như nghe, nói, đọc, viết ...

4. Giáo trình tiếng Việt

Giáo trình tiếng Việt hiện nay khá đa dạng, bước đầu có thể đáp ứng những yêu cầu đào tạo có hiệu quả.

Ở Việt Nam và một số nước trên thế giới, một số giáo trình, tài liệu về tiếng Việt được biên soạn với sự đa dạng về trình độ, về mục đích, phạm vi đào tạo, chẳng hạn *Giáo trình Tiếng Việt cho người nước ngoài* (nhiều quyển), *Thực hành Tiếng Việt A, B, C*, *Tiếng Việt nâng cao*, *Tiếng Việt đọc hiểu*, *Truyện đọc Tiếng Việt*, *Tiếng Việt trong giao dịch*, *thương mại*, *Tiếng Việt du lịch*, *Tiếng*

Việt căn bản (dùng cho người Trung Quốc ở Đài Loan)... Hầu hết tác giả của các giáo trình này đều là những nhà nghiên cứu Việt ngữ, những giảng viên giảng dạy ngôn ngữ học và Việt ngữ học. Theo Đề án Hỗ trợ việc dạy và học tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài của Bộ Giáo dục và Đào tạo 2006, hai bộ giáo trình *Tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài* (một cho đối tượng là người lớn, một cho đối tượng là thanh thiếu niên) đã được biên soạn với sự tham gia của nhiều giảng viên, chuyên viên của nhiều trường đại học, viện nghiên cứu trong cả nước; bộ sách cũng đã được dạy thử nghiệm ở một số nước trên thế giới.

Tuy nhiên, vẫn rất cần những bộ giáo trình tiếng Việt có hệ thống, cập nhật những từ ngữ thuộc nhiều lĩnh vực của cuộc sống hiện đại cũng như văn hóa truyền thống Việt, những kiến thức ngữ pháp, vận dụng những thành tựu về phương pháp dạy tiếng trên thế giới; đặc biệt là giáo trình nâng cao hoặc chuyên sâu. Hiện nay một số cơ sở đào tạo tiếng Việt, Việt Nam học đang đầu tư vào việc biên soạn những bộ giáo trình có hiệu quả cao. KNV - ĐHSPTPHCM cũng đang tiến hành biên soạn một bộ giáo trình hoàn chỉnh dùng cho việc giảng dạy tiếng Việt căn bản và nâng cao.

Các giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài gần đây thường được biên soạn theo các định hướng sau:

a. Hướng giao tiếp

Hiệu quả của việc giảng dạy tiếng theo phương pháp giao tiếp ngày càng

được khẳng định. Vì thế các giáo trình dạy tiếng nói chung và giáo trình dạy tiếng Việt nói riêng gần đây thường được biên soạn theo định hướng giao tiếp. Hướng biên soạn này chi phối cấu trúc, nội dung của giáo trình, của bài học, cách chọn lựa hệ thống bài tập... Chẳng hạn như Phần phát âm và chữ viết tiếng Việt ở phần đầu giáo trình chỉ được trình bày khái quát và được đưa vào giảng dạy qua các bài học để đỡ gây nhàm chán và có hiệu quả hơn (gắn âm với nghĩa); những kiến thức ngữ pháp không phải được truyền đạt một cách khô khan mà thông qua những bài hội thoại sinh động, những bài tập tình huống gần gũi với thực tế giao tiếp hàng ngày của người Việt.

b. Hướng tích hợp

Nội dung của các giáo trình được biên soạn theo hướng tích hợp kiến thức về tiếng với kiến thức về đất nước, con người, văn hóa Việt Nam. Điều này được thể hiện trong việc lựa chọn chủ đề các bài hội thoại, bài đọc, hệ thống từ vựng cung cấp cho người học. Hướng biên soạn này cũng phù hợp với mục tiêu của việc dạy tiếng nói chung và việc dạy tiếng Việt nói riêng.

c. Hướng phù hợp với trình độ của người học

Một bộ giáo trình thường được biên soạn ở ba trình độ: bắt đầu (hay cơ sở), trung cấp và nâng cao, được sắp xếp thứ tự theo mức độ kiến thức và kỹ năng tăng dần như giáo trình Tiếng Việt 1, 2, 3 hoặc A, B, C. Để giáo trình có thể đáp ứng yêu cầu về trình độ, các tác giả thường vận dụng những phương pháp phù hợp; chẳng hạn ở trình độ bắt đầu, phương pháp trực quan thường được sử dụng để thay thế cho việc giải thích bằng những khái niệm trừu tượng.

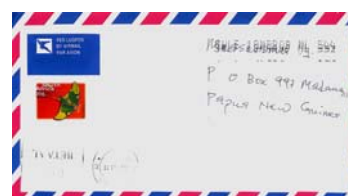
Có thể dẫn một ví dụ: khi cung cấp kiến thức về những danh từ chỉ đơn vị mà Việt ngữ học truyền thống thường gọi là loại từ (classifiers), giáo trình Tiếng Việt 1 (KNV- ĐHSPTP HCM đang biên soạn) dùng hình ảnh để người học có thể có ý niệm về những từ chỉ đơn vị đồ vật như *bức*, *quả* (*trái*), đồng thời hiểu được sự tri nhận của người Việt về các đơn vị này (*bức*: từ dùng để chỉ từng đơn vị vật hình tấm, trên bề mặt có tranh ảnh, chữ viết; *quả*: từ dùng để chỉ từng đơn vị vật có hình như quả cây - *Từ điển tiếng Việt*, Viện Ngôn ngữ học 2003).



bức tranh



bức ảnh



bức thư



quả bóng



quả trứng



quả địa cầu

Nhìn chung giáo trình thường được thiết kế linh hoạt, mềm dẻo đáp ứng tốt nhất cho đối tượng thuộc nhiều dân tộc khác nhau, thuộc nhiều lứa tuổi khác nhau. Để việc sử dụng giáo trình có hiệu quả, các giáo trình thường tập trung vào những lỗi về phát âm, lỗi về ngữ pháp thường gặp của người học (chẳng hạn, về phát âm chú ý phân biệt các phụ âm đầu: t – th, t – tr, t – đ... ; hoặc về ngữ pháp chú ý trật tự từ ngữ, cách dùng các hư từ, từ tình thái...).

5. Những kết quả nghiên cứu khoa học có liên quan đến việc dạy tiếng nói chung và việc dạy tiếng Việt nói riêng

Sự phát triển của ngôn ngữ học ứng dụng, đặc biệt lý thuyết về thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (second language acquisition research) giúp cho việc giảng dạy tiếng Việt mang tính khoa học và có chiều sâu hơn.

Trên thế giới, việc nghiên cứu sự thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (second language acquisition research) bắt đầu khoảng những năm 50, phát triển nhanh vào những năm 70 của thế kỷ trước và đạt được những thành tựu đáng kể. Vấn đề thụ đắc ngôn ngữ thứ hai hay ngoại ngữ - với những quá trình tâm lý của nó, đặc biệt trong mối liên hệ với quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ nhất (tức tiếng mẹ

đê), đã thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu ngôn ngữ học. Vấn đề này được tiếp cận đa dạng từ nhiều góc độ: ngôn ngữ học xã hội, ngôn ngữ học giáo dục, ngôn ngữ học thần kinh, ngôn ngữ học tâm lý, ngôn ngữ học đối chiếu. Hai hệ thống ngôn ngữ được xem xét là hệ thống ngôn ngữ nguồn – source language (thường là ngôn ngữ bản địa hay tiếng mẹ đẻ) và hệ thống ngôn ngữ đích - target language (tức ngôn ngữ được học). Gần đây trong khuynh hướng tập trung vào người học với tư cách là người sản sinh ra hệ thống ngôn ngữ thứ hai của chính mình, một số thuật ngữ và khái niệm được đề xuất như ngôn ngữ trung gian (interlanguage), hệ thống tiệm cận (approximative systems), ngữ năng chuyển tiếp (transitional competence) của người học.

Nhiều công trình ngôn ngữ học đối chiếu rất quan tâm các vấn đề về thụ đắc ngôn ngữ thứ hai. Khuynh hướng này cũng gắn với các khái niệm như chuyển di ngôn ngữ (language transfer), giao thoa ngôn ngữ (language interference)... Chuyển di ngôn ngữ là sự mở rộng những quy tắc của ngôn ngữ nguồn (tiếng mẹ đẻ hoặc một ngôn ngữ đã biết trước đó) sang ngôn ngữ đích. Theo các nhà ngôn ngữ học đối chiếu, hiện tượng giao thoa ngôn

ngữ chủ yếu là biểu hiện của sự chuyển di từ ngôn ngữ nguồn, thường là tiếng mẹ đẻ sang ngôn ngữ đích, là ngôn ngữ được học (được gọi là chuyển di tiêu cực). Tình hình này có thể tạo ra những lỗi của người học, tức những câu lệch chuẩn ngôn ngữ đích. Phân tích lỗi (error analysis) trở thành một lĩnh vực nghiên cứu của ngôn ngữ học đối chiếu cũng như ngôn ngữ học tâm lí. Ngôn ngữ học đối chiếu dự đoán lỗi của người học bằng cách so sánh, đối chiếu hệ thống ngôn ngữ của tiếng mẹ đẻ và hệ thống ngôn ngữ được học với giả thuyết về sự giao thoa giữa hai ngôn ngữ do sự chuyển di từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích. Một số nhà ngôn ngữ học tâm lí bổ sung thêm những nguyên nhân khác có thể tạo ra lỗi của người học như giao thoa bên trong ngôn ngữ đích (intralingual interference), sự khái quát quá mức những quy tắc của ngôn ngữ đích (overgeneralization of target language rules), sự chuyển di của việc giảng dạy (transfer of training), những chiến lược học tập (strategies of learning), những chiến lược giao tiếp (strategies of communication) của người học.

Không ít công trình nghiên cứu về ngôn ngữ học đối chiếu hoặc mang tính ứng dụng nghiên cứu việc dạy và học tiếng Việt đã được công bố: “Về việc dạy và học tiếng Việt tại Hàn Quốc” của Kim Ki Tae (Tạp chí *Ngôn ngữ* 1996), “Trật tự từ trong tiếng Hàn so sánh với tiếng Việt” của Ahn Kyong Hwan (Nxb Giáo dục 1997), “Dạy tiếng Việt với tư cách một ngoại ngữ” của Mai Ngọc Chừ

(Tạp chí *Ngôn ngữ* 2002), “Lỗi loại từ trong tiếng Việt của người nước ngoài” (Trong *Những vấn đề Ngôn ngữ học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006)... Công trình tập thể “Tiếng Việt như một ngoại ngữ” của Trung tâm nghiên cứu Việt Nam – Đông Nam Á, Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh 1995 gồm 50 bài viết của những nhà nghiên cứu và giảng dạy Việt ngữ trong nước và nước ngoài (từ Hội nghị “Tiếng Việt cho người nước ngoài”) chủ yếu là những đúc kết kinh nghiệm dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, phân tích, đề xuất hướng giảng dạy tiếng Việt; một vài bài trong số đó đã tiếp cận với lí thuyết dạy tiếng. Trong một bài viết, chúng tôi đã thử vận dụng lí thuyết ngôn ngữ trung gian (interlanguage theory) để phân tích lỗi ngữ pháp thường thấy của người nước ngoài học tiếng Việt. Có thể nói những thành tựu về lí luận và thực tiễn của ngôn ngữ học đối chiếu, ngôn ngữ học ứng dụng và các liên ngành ngôn ngữ học như đã nói ở trên là những cơ sở cho những công trình nghiên cứu khoa học, những đúc kết kinh nghiệm và đây cũng là yếu tố thúc đẩy ngành giảng dạy Tiếng Việt như một ngoại ngữ phát triển.

6. Kết luận

Trên đây là những thành tựu bước đầu của việc giảng dạy và nghiên cứu tiếng Việt như một ngoại ngữ. Những thành tựu này tuy chưa nhiều nhưng có thể mở ra những triển vọng không nhỏ cho ngành đào tạo này. Nếu được quan tâm và đầu tư đúng mức, ngành Việt học/ Tiếng Việt có thể phát triển về chiều rộng

lần chiều sâu, thu hút sự quan tâm của người học trong và ngoài nước. Và đây chính là chiếc cầu nối có hiệu quả, có thể đưa Việt Nam - văn hóa Việt Nam, tiếng Việt đến với nhiều đất nước, nhiều dân tộc trên thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Văn Giưỡng (2009), *Sổ tay giảng dạy tiếng Việt như một ngôn ngữ thứ hai (Từ lý thuyết đến thực hành)*, Nxb Văn hóa Sài Gòn.
2. Dư Ngọc Ngân (2005), *Vấn đề giảng dạy môn Ngữ pháp tiếng Việt cho sinh viên nước ngoài*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Trường Đại học Sư phạm TP HCM.
3. Dư Ngọc Ngân (2006), “Lỗi ngữ pháp của người nước ngoài học tiếng Việt”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP HCM*, (3).
4. Diane Larsen - Freeman and Michael H. Long (1997), *An Introduction to Second Language Acquisition Research*, Longman, London and New York.
5. Jack C. Richards - John Platt – Heidi Platt (1993), *Longman Dictionary of Language Teaching and Applied Linguistics*, Longman, Singapore.
6. L’Université Paris Diderot - Paris 7 (2010-2011), *Langues et Civilisations de L’Asie Orientale LCAO Licence*.
7. L’Université Paris Diderot - Paris 7 (2010-2011), *Langues et Civilisations de L’Asie Orientale LCAO Master*.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 04-7-2011; ngày chấp nhận đăng: 25-7-2011)